

Số: 1829 /QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 24 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hoá trong một số lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Cao Bằng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 50 thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong một số lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Cao Bằng bao gồm: lĩnh vực Đầu tư tại Việt nam, lĩnh vực Quy hoạch xây dựng, lĩnh vực Xây dựng, lĩnh vực Thương mại quốc tế, lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước, lĩnh vực Việc làm, lĩnh vực Xuất nhập khẩu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban quản lý khu kinh tế tỉnh đã được công bố tại các quyết định số 1348/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2014; số 1677/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng ban Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KS TTHC, Văn phòng Chính phủ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP; TTTT;
- BQL Khu kinh tế tỉnh;
- Phòng KSTTHC, Sở Tư Pháp;
- Lưu: VT, NC.

CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Ánh

Hoàng Xuân Ánh

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HOÁ TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BAN
QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH CAO BẰNG**



*(Kèm theo Quyết định số 1829 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2017
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

**Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

TT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM (22 TTHC)
1	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư. BQL
2	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư. BQL
3	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. BQL
4	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư). BQL
5	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. BQL
6	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ Tướng Chính phủ. BQL
7	Chuyển nhượng dự án đầu tư. BQL
8	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế. BQL
9	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài.
10	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. BQL
11	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. BQL
12	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. BQL

13	Giãn tiến độ đầu tư. BQL
14	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư. BQL
15	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư. BQL
16	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC. BQL
17	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC. BQL
18	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương. BQL
19	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư. BQL
20	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư. BQL
21	Quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. BQL
22	Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. BQL
II	LĨNH VỰC QUY HOẠCH XÂY DỰNG (05 TTHC)
1	Giới thiệu địa điểm xây dựng và tuyến xây dựng công trình. BQL
2	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và dự toán quy hoạch chi tiết. BQL
3	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết. BQL
4	Chấp thuận Tổng mặt bằng quy hoạch và kiến trúc công trình. BQL
5	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấp Giấy phép quy hoạch. BQL
III	LĨNH VỰC XÂY DỰNG (02 TTHC)
1	Cấp GPXD đối với các công trình từ cấp III trở xuống thuộc dự án liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của các nhà đầu tư xây dựng trong khu công nghiệp và các khu chức năng trong khu kinh tế (khu phi thuế quan, các khu vực cửa khẩu, khu chức năng đặc thù khác) được giao quản lý. BQL

2	Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với các công trình từ cấp III trở xuống thuộc thẩm quyền Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh cấp GPXD. BQL
IV	LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ (05 TTHC)
1	Cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. BQL
2	Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. BQL
3	Điều chỉnh, bổ sung giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. BQL
4	Gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. BQL
5	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp Giấy phép. BQL
V	LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC (12 TTHC)
1	Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu. BQL
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu. BQL
3	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu. BQL
4	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. BQL
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. BQL
6	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. BQL
7	Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu. BQL
8	Cấp sửa đổi bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu. BQL
9	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu. BQL
10	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá. BQL
11	Cấp sửa đổi bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá. BQL
12	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá. BQL

VI	LĨNH VỰC VIỆC LÀM (03 TTHC)
1	Cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam. BQL
2	Cấp lại Giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam. BQL
3	Xác nhận người lao động nước ngoài làm việc tại khu kinh tế không thuộc diện cấp giấy phép lao động. BQL
VII	LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU (01 TTHC)
1	Đăng ký kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa qua các cửa khẩu tỉnh Cao Bằng. BQL

Tổng cộng: 50 TTHC